

Bản án số: 37/2018/HNGĐ -ST

Ngày 30/10/2018.

V/v: Chia tài sản chung
của vợ chồng sau ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH – TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Tạ Thị Hồng Ngân.**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Mạnh Hùng;**

2. Bà Nguyễn Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: **Bà Đào Thị Anh Ninh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Duy Hưng – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 30/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 21/2018/TLST – HNGĐ ngày 08/02/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXXST - DS ngày 28/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2108/QĐST - DS ngày 15/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Hán Thị L**, Sinh năm 1958.

Địa chỉ: Khu 1, xã TQ, huyện PN, tỉnh PT.

Hôm nay, có mặt.

Bị đơn: Ông **Trần Trọng Q**, Sinh năm 1957.

Địa chỉ: Khu 1, xã TQ, huyện PN, tỉnh PT.

Hôm nay, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay bà Hán Thị L trình bày: Bà và ông Trần Trọng Q được Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh giải quyết cho ly hôn, tuy nhiên về phần tài sản chung ông bà tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết. Nhưng hiện nay ông bà không thỏa thuận được với nhau về tài sản chung nên đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn theo quy định của pháp luật. Các tài sản chung của ông bà đề

ngợi Tòa án giải quyết bao gồm; 01 nhà xây cấp 4 bốn gian, 02 gian bếp cùng toàn bộ công trình phụ trên diện tích đất 1630m² đất vườn thuộc thửa số 105, tờ bản đồ số 7đ tại khu 1, xã TQ và 2720m² đất (trong đó có 300m² đất ở còn lại là đất vườn) thuộc thửa số 8, tờ bản đồ 7đ tại khu 1, xã TQ, huyện PN, tỉnh PT (Cả hai thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Trần Trọng Q). Đối với các thửa đất lúa và các tài sản sinh hoạt trong gia đình bà không đề nghị giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Về phía ông Trần Trọng Q mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và niêm yết các văn bản tố tụng để ông Q biết và thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nhưng ông Q cố tình vắng mặt nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Hán Thị L làm đơn đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân, gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân huyện Phù Ninh theo quy định tại khoản 1 điều 28 và khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà Hán Thị L xác nhận giữa bà và ông Trần Trọng Q trong thời kỳ hôn nhân có tạo lập được khối tài sản chung gồm: 01 nhà xây cấp 4 bốn gian, 02 gian bếp cùng toàn bộ công trình phụ trên diện tích đất 1630m² đất vườn thuộc thửa số 105, tờ bản đồ số 7đ tại khu 1, xã TQ và 2720m² đất (trong đó có 300m² đất ở còn lại là đất vườn) thuộc thửa số 8, tờ bản đồ 7đ tại khu 1, xã TQ, huyện PN, tỉnh PT (Cả hai thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Trần Trọng Q). 30 thửa đất lúa có tổng diện tích là 5283m² và các tài sản sinh hoạt trong gia đình nhưng các tài sản này bà không đề nghị giải quyết. Đối với hai thửa đất số 105 và số 8 bà đề nghị chia theo quy định của pháp luật.

[3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và tiến hành đo đạc đối với hai thửa đất trên. Kết quả đo đạc thể hiện:

- Thửa đất số 105 có diện tích là 1883,2m² đất trồng cây lâu năm (đất vườn), trên thửa đất này có 01 nhà cấp 4 bốn gian diện tích xây dựng là 78m²; 01 nhà bếp cấp 4 ba gian diện tích xây dựng 34m²; 04 ngăn chuồng lợn diện tích 40m² và một số cây cối lâm lộc. Xung quanh thửa đất này đã được xây tường bao và không có tranh chấp với ai.

- Thửa đất số 8 có diện tích là 2989,2m² (trong đó có 300m² đất ở và 2689,2m²), trên thửa đất này không có công trình xây dựng gì.

Như vậy, so với diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa số 105 thừa 523,2m² và thửa số 8 thừa 269,2m². Đối với diện tích đất thừa này, HĐXX sẽ tạm giao cho bà L và ông Q sử dụng và ông bà có trách nhiệm làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với diện tích đất này nếu có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp nhận. Đối với diện tích đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài trên đất sẽ được chia theo quy định của pháp luật. Theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá định thì tổng giá trị tài sản của bà L và ông Q là 420.680.000 đồng (Bao gồm cả giá trị của diện tích đất chênh lệch so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Trong đó giá trị của các công trình xây dựng trên đất là 80.850.000 đồng. Theo quy định tại điều 59 Luật hôn nhân và gia đình thì về nguyên tắc tài sản chung của vợ chồng được chia đôi và chia bằng hiện vật. Căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thấy rằng cả hai thửa đất trên đều có thể chia đôi để giao cho mỗi bên sử dụng một phần mà không ảnh hưởng đến các công trình xây dựng trên đất và giá trị của đất. Đối với thửa đất số 8 khi chia đôi diện tích đất thì một nửa diện tích đất không có lối đi vào nên cần cắt ra 167,1m² đất trong tổng diện tích đất 2720m² để làm lối đi chung.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án bà Hán Thị L đề nghị Hội đồng định giá tài sản căn cứ vào bảng giá đất của UBND tỉnh Phú Thọ để định giá diện tích của ông bà, đối với diện tích các công trình xây dựng đề nghị định giá theo quy định của pháp luật và có quan điểm: Đối với thửa đất số 105 do trên đất có nhà và các công trình xây dựng khác nên bà đồng ý để ông Q được sử dụng phần diện tích đất có nhà và các công trình xây dựng, bà nhận phần đất không có nhà. Đối với thửa số 8 đề nghị chia đôi. Phần diện tích đất chênh lệch (nếu có) bà không yêu cầu ông Q phải thanh toán lại giá trị, chỉ đề nghị thanh toán phần chênh lệch giá trị nhà và các công trình xây dựng khác. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà L và cũng phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Về phía ông Trần Trọng Q có mặt tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nhưng ông Q không có quan điểm gì và không hợp tác làm việc. Như vậy, ông Q đã từ chối quyền lợi của mình. Do đó, căn cứ vào quan điểm, đề nghị của bà L và các quy định của pháp luật cần giao cho bà L được sử dụng: 680m² đất vườn thuộc thửa số 105, tờ bản đồ số 7đ (diện tích đất thuộc ô số S1 – có sơ đồ kèm theo) và 1276,4m² đất (trong đó có 150m² đất ở và 1126,4m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 7đ (diện tích đất thuộc ô số S1 – có sơ đồ kèm theo) tại khu 1, xã TQ, huyện PN, tỉnh PT. Tổng giá trị là: 140.551.680 đồng.

Giao cho ông Trần Trọng Q được quyền sở hữu và sử dụng các tài sản gồm:

- Toàn bộ công trình xây dựng trên diện tích 680m² đất vườn thuộc thửa đất số 105 tại khu 1, xã TQ, huyện PN, tỉnh PT: 80.850.000 đồng.

- 680m² đất vườn thuộc thửa số 105, tờ bản đồ số 7đ (diện tích đất thuộc ô số S2 – cơ sở đồ kèm theo) tại khu 1, xã TQ, huyện PN, tỉnh PT;

- 1276,4m² đất (trong đó có 150m² đất ở và 1126,4m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 7đ (diện tích đất thuộc ô số S2 – có sơ đồ kèm theo) tại khu 1, xã TQ, huyện PN, tỉnh PT.

Tổng giá trị là: 221.401.680 đồng.

Ông Trần Trọng Q có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch giá trị các công trình xây dựng cho bà Hán Thị L là 40.425.000 đồng.

Tạm giao cho bà Hán Thị Lg được sử dụng 171,1m² đất vườn thuộc thửa số 105 và 134m² đất vườn thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 7đ tại khu 1, xã TQ, huyện PN, tỉnh PT (diện tích đất thuộc ô số S1).

Tạm giao cho ông Trần Trọng Q được sử dụng 352,1m² đất vườn thuộc thửa số 105 và 135,3m² đất vườn thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 7đ tại khu 1, xã TQ, huyện PN, tỉnh PT (diện tích đất thuộc ô số S2).

Đối với cây cối, lâm lộc trên thửa đất số 105, tờ bản đồ số 7đ bà L không đề nghị chia và có quan điểm nếu sau này các cây cối này nằm trên diện tích đất của ai được chia thì người đó được quyền sử dụng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà L và cũng phù hợp với pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về nợ chung: Bà Hán Thị L xác nhận bà và ông Q không nợ ai và không cho ai nợ nên HĐXX không đặt ra vấn đề giải quyết.

[6] Về đất ruộng: Do bà L không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về phía ông Trần Trọng Q mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để ông Q biết và thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, nhưng ông Q vẫn cố tình vắng mặt, không hợp tác làm việc. Như vậy, ông Q đã mặc nhiên từ chối quyền lợi của mình. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của bà L nên Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với ông Q là phù hợp với quy định tại điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hán Thị L và chia đôi tài sản chung của bà L và ông Q theo quy định tại điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[9] Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 2, 3 điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, Khoản 4 điều 147, điều 228; điều 271, Khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hán Thị L về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn.

Xác nhận tài sản chung giữa bà Hán Thị L và ông Trần Trọng Q đề nghị chia có tổng trị giá là: 372.186.880 đồng (bao gồm cả giá trị của 167,1m² đất vườn làm lối đi chung).

**** Giao cho bà Hán Thị L được sử dụng:***

- 680m² đất vườn thuộc thửa số 105, tờ bản đồ số 7đ (diện tích đất thuộc ô số S1 – có sơ đồ kèm theo) tại khu 1, xã TQ, huyện PN, tỉnh PT trị giá: 41.616.000 đồng.

- 1276,4m² đất (trong đó có 150m² đất ở và 1126,4m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 7đ (diện tích đất thuộc ô số S1 – có sơ đồ kèm theo) tại khu 1, xã TQ, huyện PN, tỉnh PT trị giá: 98.935.680 đồng.

(Toàn bộ diện tích đất trên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Trần Trọng Q).

Tổng giá trị là: 140.551.680 đồng (Một trăm bốn mươi triệu năm trăm năm mươi một nghìn sáu trăm tám mươi đồng).

**** Giao cho ông Trần Trọng Q được quyền sở hữu và sử dụng các tài sản gồm:***

- 01 ngôi nhà cấp bốn 4 gian diện tích xây dựng 78m²: 46.800.000 đồng;

- 01 nhà bếp cấp bốn 3 gian diện tích xây dựng 34m²: 14.450.000 đồng;

- 04 ngăn chuồng lợn xây lửng diện tích 40m²: 19.600.000 đồng;

(Toàn bộ diện tích xây dựng trên được xây dựng trên diện tích 1360m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 7đ tại khu 1, xã TQ, huyện PN, tỉnh PT).

- 680m² đất vườn thuộc thửa số 105, tờ bản đồ số 7đ (diện tích đất thuộc ô số S2 – có sơ đồ kèm theo) tại khu 1, xã TQ, huyện PN, tỉnh PT trị giá: 41.616.000 đồng.

- 1276,4m² đất (trong đó có 150m² đất ở và 1126,4m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 7đ (diện tích đất thuộc ô số S2 – có sơ đồ kèm theo) tại khu 1, xã TQ, huyện PN, tỉnh PT trị giá: 98.935.680 đồng.

(Toàn bộ diện tích đất trên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Trần Trọng Q).

Tổng giá trị là: 221.401.680 đồng (Hai trăm hai mươi một triệu bốn trăm linh một nghìn sáu trăm tám mươi đồng).

Ông Trần Trọng Q có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch giá trị các công trình xây dựng cho bà Hán Thị L là 40.425.000 đồng (Bốn mươi triệu bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Cắt 167,1m² đất trồng cây lâu năm trong tổng diện tích 2720 m² đất thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 7đ (có số đo các cạnh như tại Bản trích đo phân chia đất kèm theo) làm lối đi chung của cả hai bên.

Tạm giao cho bà Hán Thị L được sử dụng 171,1m² đất vườn thuộc thửa số 105, tờ bản đồ số 7đ và 134m² đất vườn thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 7đ tại khu 1, xã TQ, huyện PN, tỉnh PT (Diện tích đất thuộc ô số S1 - Có sơ đồ kèm theo).

Tạm giao cho ông Trần Trọng Q được sử dụng 352,1m² đất vườn thuộc thửa số 105 và 135,3m² đất vườn thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 7đ tại khu 1, xã TQ, huyện PN, tỉnh PT (Diện tích đất thuộc ô số S2 - có sơ đồ kèm theo).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Hán Thị L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Q không thanh toán số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về đất ruộng: Không đề nghị Tòa án giải quyết..

Về án phí: Bà Hán Thị L phải chịu 9.048.000 đồng (Chín triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0000748 ngày 07/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Ninh. Bà L còn phải nộp tiếp 6.548.000 đồng (Sáu triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Trọng Q phải chịu 9.048.000 đồng (Chín triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo để đề nghị xét xử phúc thẩm.

Ông Trần Trọng Q vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS ND huyện, tỉnh;
- T.H.A DS huyện Phù Ninh;
- Các đ-ơng sự;
- UBND xã Trĩ Quận;
- L- u: HS , VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Tạ Thị Hồng Ngân